

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 18-7-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Bình và ông Nguyễn Thanh Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 455/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 35/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 10 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh cũ, giữa các bên đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị T, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Số 16, đường Bạch Đằng, tổ 5, khu phố 6, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Hoài Đức, tỉnh Lâm Đồng mới).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố Phú Ân, phường Ap, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên cũ (nay là phường Bình Kiến, tỉnh Đắk Lắk).

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 02/01/2025 tại Văn phòng Công chứng Đức Linh)

- **Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1972;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1971;

Cùng nơi cư trú: Số 51, đường Chu Văn An, khu phố 3, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Hoài Đức, tỉnh Lâm Đồng mới).

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Trong các năm 2014 đến 2023, bà Huỳnh Thị Ngọc N có vay của bà T nhiều lần với số tiền tổng cộng là 1.330.000.000đồng, cụ thể:

Ngày 21/01/2014 AL (25/2/2014) vay 240.000.000đồng.

Ngày 06/5/2017 AL (31/5/2017), vay 50.000.000đồng.

Ngày 05/6/2018 AL (28/6/2017), vay 100.000.000đồng.

Ngày 20/5/2018AL (03/7/2018), vay 90.000.000đồng.

Ngày 03/9/2018 AL (11/10/2018), vay 50.000.000đồng.

Ngày 20/4/2021 vay 300.000.000đồng.

Ngày 02/07/2023 AL (17/8/2023) vay 500.000.000đồng (khoản vay này lúc vay có viết giấy nợ trong sổ bà N, bà T quên lấy giấy, bà T có gọi điện nói bà N giao giấy vay tiền cho bà T thì bà N nói để quyền sổ trong thành phố, khi nào bào vào lấy đem về cho bà T, nhưng đến nay vẫn chưa giao lại giấy vay tiền 500.000.000đồng cho bà T.

Mục đích vay: để có vốn làm ăn và đáo hạn Ngân hàng. Về lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 3%/tháng. Sau khi vay bà N đã trả lãi được:

Khoản vay 240.000.000đồng đã trả lãi được 4 tháng (tháng 2,3,4,5) là 25.000.000đồng.

Khoản vay 50 triệu, trả lãi một tháng 1,5 triệu.

Khoản vay 100 triệu, chưa trả lãi.

Khoản vay 90 triệu, chưa trả lãi.

Khoản vay 50 triệu (11/10/2018) chưa trả lãi.

Khoản vay 300 triệu, chưa trả lãi.

Trong khoản vay 500 đồng bà N đã trả cho bà T: 31/5/2024, chuyển trả 5.000.000đồng; ngày 02/7/2024 chuyển trả 5.000.000đồng (trừ 2 tháng 10 triệu tiền gốc); còn nợ 490.000.000đồng; ngày 31/7/2024 trả 3.000.000đồng. Số tiền gốc của khoản vay 500.000.000đồng còn lại 487.000.000đồng.

Quá trình khởi kiện, bà T yêu cầu bà N và ông K trả số tiền vay gốc là 1.317.000.000đồng và tiền lãi, với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 31/5/2021 (ngày vay lần cuối cùng đợt 1) đến ngày 16/8/2024 là 3 năm 2 tháng 15 ngày x 830 triệu = 530.000.000đồng.

487.000.000đồng x 1,66%/ tháng x 11 tháng 29 ngày = 96.740.936đồng (tính từ ngày 17/8/2023 đến ngày 16/8/2024)

Tổng cộng gốc và lãi vợ chồng bà N phải trả cho bà T tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 1.938.740.900 đồng. Ngoài ra, bà T còn yêu cầu bà N tiếp tục trả lãi

cho bà T trên số tiền nợ vay gốc 1.317.000.000đồng, kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Đối với Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (thông qua chồng của bị đơn) thông báo thụ lý án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, yêu cầu vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 1.317.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi đến ngày kết thúc phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ vay gốc.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và H đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. **Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.**

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị H đồng xét xử **chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**; buộc vợ chồng **bị đơn** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 1.317.000.000đồng.

Về án phí: Buộc vợ chồng **bị đơn** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, H đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 8, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận **cũ (nay là xã Hoài Đức, tỉnh Lâm Đồng mới).**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, **khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự**

năm 2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của H đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, H đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai (theo địa chỉ do nguyên đơn cung) nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của H đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, H đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có ý kiến thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu liên quan đến việc tính lãi suất, theo đó nguyên đơn không yêu tính lãi suất; ý kiến thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn nên H đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, nguyên đơn không nộp tài liệu, chứng cứ mới nào khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, H đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, H đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản gốc của 06 giấy mượn tiền đề ngày 26/01/2014 âm lịch, ngày 06/5/2017 âm lịch, ngày 05/6/2017 âm lịch (25/7/2017 dương lịch), ngày 20/5/2018 âm lịch, 03/9/2018 âm lịch, 20/4/2021 dương lịch có chữ ký và chữ viết tên “Huỳnh Thị Ngọc N” và chứng từ liên quan đến các giao dịch chuyển tiền giữa bà Huỳnh Thị Ngọc N với bà Đinh Thị T vào các ngày 31/5/2024, 02/7/2024, 31/7/2024.

Theo nội dung thể hiện trong tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, không thỏa thuận thời hạn vay, không thỏa thuận phương thức trả nợ, có thỏa thuận lãi suất vay (thỏa thuận miệng theo lời khai của nguyên đơn) và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giao dịch vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện qua 06 giấy mượn tiền đề ngày 26/01/2014 âm lịch, ngày 06/5/2017 âm lịch, ngày 05/6/2017 âm lịch (25/7/2017 dương lịch), ngày 20/5/2018 âm lịch, 03/9/2018 âm lịch, 20/4/2021 dương lịch có chữ ký và chữ viết tên “Huỳnh Thị Ngọc N” và chứng từ liên quan đến các giao dịch chuyển tiền giữa bà Huỳnh Thị Ngọc N với bà Đinh Thị T vào các ngày 31/5/2024, 02/7/2024, 31/7/2024 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện là trong thời hạn luật định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận và cam kết cho vợ chồng bà N ông K vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Ngày 26/01/2014 âm lịch (25/02/2014), vay số tiền 240.000.000đồng.

Ngày 06/5/2017 âm lịch (31/5/2017), vay số tiền 50.000.000đồng.

Ngày 05/6/2017 âm lịch (28/6/2017), vay số tiền 100.000.000đồng.

Ngày 20/5/2018 âm lịch (03/7/2018), vay số tiền 90.000.000đồng.

Ngày 03/9/2018 âm lịch (11/10/2018), vay số tiền 50.000.000đồng.

Ngày 20/4/2021, vay số tiền 300.000.000đồng.

Ngày 02/07/2023 âm lịch (17/8/2023 dương lịch), vay số tiền 500.000.000đồng.

Tổng cộng: 1.330.000.000đồng

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.317.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Nguyên đơn khẳng định toàn bộ nội dung thể hiện trong 06 giấy mượn tiền đề ngày 26/01/2014 âm lịch, ngày 06/5/2017 âm lịch, ngày 05/6/2017 âm lịch (25/7/2017 dương lịch), ngày 20/5/2018 âm lịch, 03/9/2018 âm lịch, 20/4/2021 dương lịch có chữ ký và chữ viết tên “Huỳnh Thị Ngọc N” là do chính bị đơn viết và ký tên; Nguyên đơn cam đoan về trách nhiệm pháp lý đối với 06 giấy mượn tiền đề ngày 26/01/2014 âm lịch, ngày 06/5/2017 âm lịch, ngày 05/6/2017 âm lịch (25/7/2017 dương lịch), ngày 20/5/2018 âm lịch, 03/9/2018 âm lịch, 20/4/2021 mà nguyên đơn sử dụng để khởi kiện bị đơn.

Đối với số tiền 500.000.000đồng mà nguyên đơn khởi kiện: Theo văn bản phúc đáp của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Đức Linh xác định số tài khoản của bà Huỳnh Thị Ngọc N là 4813205015171, vào các ngày 31/5/2024, 02/7/2024 và 31/7/2024 số tài khoản 4813205015171 có phát sinh giao dịch chuyển khoản vào tài khoản 277704070000080 mở tại Ngân hàng HD Bank.

Theo văn bản phúc đáp số 001 ngày 07/5/2025 của Ngân hàng HD Bank xác định số tài khoản 277704070000080 mở tại Ngân hàng HD Bank là của bà Đinh Thị T.

Mặc dù, khoản nợ 500.000.000 đồng không có giấy tờ xác lập giao dịch nhưng thông qua nội dung chuyển khoản do bà N tự thể hiện trong các giao dịch chuyển khoản vào các ngày 31/5/2024, 02/7/2024 và 31/7/2024 thì có cơ sở chứng minh bà N có vay của bà T số tiền 500.000.000đồng.

Do đó, căn cứ vào các giấy mượn tiền đề các 06 giấy mượn tiền đề ngày 26/01/2014 âm lịch, ngày 06/5/2017 âm lịch, ngày 05/6/2017 âm lịch (25/7/2017

ương lịch), ngày 20/5/2018 âm lịch, 03/9/2018 âm lịch, 20/4/2021 có chữ ký và chữ viết tên “Huỳnh Thị Ngọc N” và 03 chứng từ giao dịch chuyển khoản vào các ngày 31/5/2024, 02/7/2024 và 31/7/2024 từ số tài khoản 4813205015171 của bà Huỳnh Thị Ngọc N mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn vào số tài khoản 277704070000080 của bà Đinh Thị T mở tại Ngân hàng HD Bank, H đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc còn lại 1.317.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp quy định tại các Điều 27, 30, 33 và 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như sau:

“1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.”

Tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau:

“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;”

Tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau:

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.”

[4.4] Về lãi suất:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng; tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất phát sinh, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên H đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của H đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên H đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực – Lâm Đồng tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 217, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 30, 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **nguyên đơn Đinh Thị T.**

Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Nguyễn Trung K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị T số tiền nợ vay gốc là 1.317.000.000 (bằng chữ: một tỷ, ba trăm, mười bảy triệu) đồng (theo 06 giấy mượn tiền đề ngày 26/01/2014 âm lịch, ngày 06/5/2017 âm lịch, ngày 05/6/2017 âm lịch (25/7/2017 dương lịch), ngày 20/5/2018 âm lịch, 03/9/2018 âm lịch, 20/4/2021 dương lịch có chữ ký và chữ viết tên “Huỳnh Thị Ngọc N” và 03 chứng từ giao dịch chuyển khoản vào các ngày 31/5/2024, 02/7/2024 và 31/7/2024 từ số tài khoản 4813205015171 của bà Huỳnh Thị Ngọc N mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn vào số tài khoản 277704070000080 của bà Đinh Thị T mở tại Ngân hàng HD Bank).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp lãi suất.

3. Về án phí:

- Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Nguyễn Trung K phải nộp số tiền 51.510.000 (bằng chữ: năm mươi một triệu, năm trăm mười nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại **Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng hoặc Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng.**

- Trả lại cho bà Đinh Thị T số tiền 35.081.000 (bằng chữ: ba mươi lăm triệu, không trăm tám mươi một nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng) theo biên lai thu tiền số: 0005072 ngày 18 tháng 12 năm 2024.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 17;
- THADS tỉnh Lâm Đồng
- Chi cục THADS khu vực 17;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận